

Số: 27 /2009/TT- BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc nhóm nghề Kinh doanh và quản lý

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 06 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và đề nghị của Tổng cục Dạy nghề về việc ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Quản lý kinh doanh điện; Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ; Quản trị kinh doanh vận tải biển;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề đối với các nghề trên như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng:

Thông tư này quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề và chương trình khung trình độ cao đẳng nghề để áp dụng đối với các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề được quy định tại Thông tư này;

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề quy định tại Thông tư này không bắt buộc áp dụng đối với các cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 2. Chương trình khung quy định tại Thông tư này bao gồm:

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản lý kinh doanh điện” (Phụ lục 1);
2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt”(Phụ lục 2);
3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ” (Phụ lục 3).

4. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản trị kinh doanh vận tải biển” (Phụ lục 4).

Điều 3. Trách nhiệm xây dựng chương trình dạy nghề :

Căn cứ quy định tại Thông tư này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

Điều 4. Điều khoản thi hành:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký;

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức Chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo Website Chính phủ (2 b);
- Lưu Vụ Pháp chế, VP, TCDN (20 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Đàm Hữu Đắc

Phụ lục 1:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản lý kinh doanh điện”

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27 /2009 /TT- BLĐT BXH ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 1A:

Chương trình khung trình độ trung cấp nghề

Tên nghề: Quản lý kinh doanh điện

Mã nghề: 40340107

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 43

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.

- Kiến thức:

- + Kiến thức về các hệ thống đo đếm điện năng, các thiết bị điện;
- + Kiến thức về cung cấp điện và an toàn điện;
- + Kiến thức về giao tiếp cơ bản và giao tiếp khách hàng, kỹ năng tin học và văn phòng;

+ Nắm được các kiến thức về các qui trình cơ bản nhất của bộ qui trình kinh doanh điện năng:

- Xử lý yêu cầu cung cấp điện;
- Quản lý hệ thống đo đếm điện năng;
- Lập và ký kết hợp đồng mua bán điện;
- Quản lý hợp đồng mua bán điện;
- Qui trình ghi chỉ số công tơ và xử lý các vấn đề liên quan;
- Lập và quản lý hoá đơn tiền điện;
- Thu và theo dõi nợ tiền điện;
- Một số kiến thức cơ bản về Áp giá và kiểm soát giá bán điện và kiểm tra, xử lý các vi phạm trong sử dụng điện;
- Giao tiếp và chăm sóc khách hàng.

- Kỹ năng:

- + Đọc hiểu bản vẽ điện và thực hiện một số kỹ năng cơ bản về điện;
- + Giao tiếp khách hàng và nghiệp vụ văn thư;
- + Tin học văn phòng;
- + Ứng dụng luật pháp trong qui trình kinh doanh điện năng;
- + Xử lý các nhiệm vụ cơ bản trong hệ thống qui trình kinh doanh điện năng.

2. Chính trị đạo đức; Thể chất và quốc phòng.

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hiến pháp và Pháp luật. Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành Điện Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung và công nhân ngành Điện nói riêng;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, có kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp, có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Đủ sức khoẻ theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình giáo dục quốc phòng;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Tốt nghiệp trung cấp nghề người học có thể làm việc ở các vị trí thực hiện hoặc liên quan trực tiếp đến công việc quản lý kinh doanh điện ở các đơn vị điện lực hoặc các đơn vị kinh doanh điện tương đương;

Các vị trí điển hình:

- Nhân viên:

- + Giao dịch và quản lý khách hàng;

- + Tổng hợp;
- + Quản lý biên bản, quyết toán công tơ;
- + Tổng hợp và phúc tra công tơ;
- + Thu ngân viên, chấm xoá nợ;
- + Quản lý giao nhận hoá đơn, phân tích số thu;
- + Kiểm tra hoá đơn, chấm xoá nợ tư gia;
- + Kiểm tra giao nhận hoá đơn cơ quan, tư gia.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm.
- Thời gian học tập: 90 tuần.
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 280 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 120 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu.

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1630 giờ; Thời gian học tự chọn: 710 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 619 giờ; Thời gian học thực hành: 1721 giờ

3. Thời gian học văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hoá trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MD I	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3

MH 04	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1630	464	1100	66
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	600	284	289	27
MH 07	Vẽ điện	45	20	23	2
MH 08	Pháp luật chuyên ngành	90	43	43	4
MH 09	Tin học văn phòng	90	29	57	4
MH 10	Kỹ năng giao tiếp cơ bản	60	22	35	3
MH 11	Kỹ thuật an toàn điện	60	32	25	3
MH 12	Cơ sở kỹ thuật điện	90	46	40	4
MH 13	Thiết bị điện	75	44	28	3
MĐ 14	Cung cấp điện	30	18	11	1
MH 15	Đo lường điện	60	30	27	3
II.2	Các môn học/mô đun chuyên môn nghề	1030	180	811	39
MĐ 16	Kỹ năng văn phòng cơ bản	45	16	27	2
MĐ 17	Xử lý yêu cầu cung cấp điện	30	10	18	2
MĐ 18	Ký kết hợp đồng mua bán điện	45	18	25	2
MĐ 19	Quản lý hợp đồng mua bán điện	45	18	25	2
MĐ 20	Quản lý hệ thống đo đếm	45	18	25	2
MĐ 21	Quy trình ghi chỉ số công tơ và xử lý các vấn đề liên quan	45	18	25	2
MĐ 22	Lập và quản lý hóa đơn tiền điện	45	18	25	2
MĐ 23	Thu và theo dõi nợ tiền điện	45	18	25	2
MĐ 24	Kiểm tra, xử lý các vi phạm trong sử dụng điện	15	5	9	1
MĐ 25	Áp giá và kiểm soát giá bán điện	15	4	10	1
MĐ 26	Giao tiếp và chăm sóc khách hàng	45	16	27	2
MĐ 27	Thực tập điện cơ bản	160	16	140	4
MĐ 28	Thực tập tốt nghiệp	450	5	430	15
	Tổng cộng	1840	570	1187	83

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC.

(Nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ.

1. Hướng dẫn xác định thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị hạ thế	90	10	77	3
MĐ 30	Vận hành đường dây và Trạm biến áp	90	10	77	3
MĐ 31	Quản lý vận hành hệ thống phân phối điện	90	10	77	3
MH 32	Quy chế quản lý tài chính ngành điện	45	18	25	2
MĐ 33	Quản lý lưới điện hạ áp	90	21	65	4
MH 34	Kế toán đại cương	60	45	12	3
MĐ 35	Thực hành kế toán	120	8	108	4
MĐ 36	Tin học kế toán	90	16	70	4
MH 37	Thống kê ứng dụng	90	28	58	4
MĐ 38	Lắp đặt hệ thống đo đếm điện năng	90	15	73	2
MĐ 39	Kiểm tra thực hiện kinh doanh điện năng	60	8	50	2
MĐ 40	Quản lý mua điện đầu nguồn	30	10	18	2
MH 41	Văn hoá doanh nghiệp	45	15	28	2
MĐ 42	Các qui định nội bộ của đơn vị (xử lý hồ sơ giấy tờ, trách nhiệm của các bộ phận, các quy chế, quy trình)	15	4	10	1
MH 43	Tiếng Anh chuyên ngành	90	16	70	4
	Tổng cộng	1095	234	818	43

1.2 Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Tỷ lệ thời gian phân bổ cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định là 30,3% trên tổng số thời gian các môn học và mô đun đào tạo nghề. Như vậy: Tổng số thời gian dành cho các môn học và mô đun tự chọn là 710 giờ. Thời lượng học lý thuyết khoảng 26,5% và thực hành 73,5%. Thời gian học trong mỗi ngày, mỗi ca được xác định theo Điều 4 -Quyết định số 58/2008/QĐ- BLĐTBXH ngày 09/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội;

- Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong mục V điểm 1.1 chỉ quy định đến tên các môn học và các mô đun đào tạo nghề và phân bổ thời gian học lý thuyết và thực hành cho từng môn, các trường căn cứ vào đặc điểm của từng vùng, miền và quy trình kinh doanh cụ thể để lựa chọn các môn học cho sát với yêu cầu công nghệ của từng công ty điện lực hay các đơn vị kinh doanh tương đương;

- Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn: Từ danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian ở mục V điểm 1.1 trên, các trường tự lựa chọn các môn học cho phù hợp với hoạt động kinh doanh điện tại các đơn vị sử dụng nhân lực đầu ra và tự xây dựng đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại mục V điểm 1.1 của chương trình này hoặc theo Mục 3, Điều 8 của quy định về chương trình khung trình độ Trung cấp nghề, chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề được ban hành theo Quyết định số: 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/ 6/ 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nhưng phải bảo đảm tỷ lệ % giữa lý thuyết và thực hành theo quy định;

- Ngoài các môn học tự chọn đã có ở trên, các trường có tự lựa chọn các môn học khác cho phù hợp với yêu cầu thực tế của từng vùng miền;

- Các trường khi xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn phải căn cứ vào nhu cầu đào tạo cụ thể của các đơn vị sử dụng lực lượng lao động và các quy trình để xây dựng chương trình cho phù hợp với từng vùng, miền. Chương trình môn học, mô đun tự chọn phải được xây dựng theo mẫu của các chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc tại phụ lục 11 và phụ lục 12 Quyết định số 58/2008/QĐ- BLĐTBXH ngày 09/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và Xã hội.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Văn hoá THPT đối với hệ tuyển sinh THCS	Viết, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm.	Không quá 180 phút

	Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. *Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt mục tiêu giáo dục toàn diện*

Để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số công ty điện lực, các điện lực địa phương hoặc các công ty kinh doanh điện tương tự để người học có nhận thức về quy trình kinh doanh điện;

Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo.

4. *Các chú ý khác:*

- Phần tự chọn trong chương trình này được định hướng tỷ lệ thời gian giữa các môn học và mô đun đào tạo 25% thời gian dành cho lý thuyết và 75% dành cho thực hành, nhưng tùy theo từng dạng nhà máy và công nghệ, các trường có thể xác định tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành là: Lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%, thực hành từ 70% đến 85% để cho phù hợp hơn;

- Thời gian của từng môn học và mô đun có thể tăng hoặc giảm, nhưng vẫn phải bảo đảm tỷ lệ giữa phần bắt buộc và phần tự chọn nằm trong khoảng cho phép./.

Phụ lục 1B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Quản lý kinh doanh điện

Mã nghề: 50340107

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 53

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.

- Kiến thức:

- + Kiến thức về các hệ thống đo đếm điện năng, các thiết bị điện;
- + Kiến thức về cung cấp điện và an toàn điện;
- + Kiến thức về giao tiếp cơ bản và giao tiếp khách hàng, kỹ năng tin học và văn phòng;
- + Kiến thức về thống kê ứng dụng, kế toán, tài chính và dự báo trong kinh doanh điện năng;
- + Kiến thức cơ bản về Kinh doanh điện năng:
 - Xử lý yêu cầu cung cấp điện;
 - Quản lý hệ thống đo đếm điện năng;
 - Lập và ký kết hợp đồng mua bán điện;
 - Quản lý hợp đồng mua bán điện;
 - Qui trình ghi chỉ số công tơ và xử lý các vấn đề liên quan;
 - Lập và quản lý hoá đơn tiền điện;
 - Thu và theo dõi nợ tiền điện;
 - Giao tiếp và chăm sóc khách hàng.
- + Các kiến thức về Kinh doanh điện năng:
 - Khảo sát thị trường kinh doanh điện;
 - Kiểm tra, xử lý các vi phạm trong sử dụng điện (*nâng cao*);
 - Áp giá và kiểm soát giá bán điện (*nâng cao*);
 - Lập báo cáo kinh doanh điện năng;
 - Phân tích, tổng hợp tình hình kinh doanh điện năng.

- Kỹ năng:

- + Đọc hiểu bản vẽ điện và thực hiện một số kỹ năng cơ bản về điện;

- + Đánh giá phụ tải hệ thống;
- + Giao tiếp khách hàng và nghiệp vụ văn thư;
- + Tin học văn phòng;
- + Ứng dụng luật pháp trong qui trình kinh doanh điện năng;
- + Phân tích các thông tin kế toán kinh doanh điện;
- + Xử lý toàn bộ các nhiệm vụ trong hệ thống qui trình kinh doanh điện năng;
- + Phân tích tổng hợp, đánh giá hiệu quả công tác kinh doanh điện năng;
- + Tổ chức và lập kế hoạch làm việc cho một đơn vị;
- + Hướng dẫn và truyền đạt kiến thức cho đồng nghiệp.

2. Chính trị đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

- + Có hiểu biết một số kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hiến pháp và Pháp luật. Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành Điện Việt Nam;
- + Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung và công nhân ngành Điện nói riêng;
- + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
- + Yêu nghề, có kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp, có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;
- + Luôn có ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

- + Đủ sức khoẻ theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế;
- + Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất.
- + Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình giáo dục quốc phòng;
- + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Tốt nghiệp cao đẳng nghề người học có thể làm việc ở các vị trí thực hiện hoặc liên quan trực tiếp đến công việc quản lý kinh doanh điện ở các đơn vị điện lực hoặc các đơn vị kinh doanh điện tương đương.

Các vị trí điển hình:

- Trưởng, phó phòng kinh doanh;
- Tổ trưởng các tổ tổng hợp, tổ thu, tổ áp giá, tổ hoá đơn.
- Nhân viên:
 - + Giao dịch và quản lý khách hàng;
 - + Tổng hợp;
 - + Quản lý biên bản, quyết toán công tơ;
 - + Tổng hợp và phúc tra công tơ;
 - + Thu ngân viên, chăm sóc nợ;
 - + Quản lý giao nhận hoá đơn, phân tích số thu;
 - + Áp giá, tổng hợp áp giá;
 - + Kiểm tra hoá đơn, chăm sóc nợ tư gia;
 - + Kiểm tra giao nhận hoá đơn cơ quan, tư gia.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm.
- Thời gian học tập: 131 tuần.
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 400 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 160 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu.

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
 - + Thời gian học bắt buộc: 2530 giờ ; Thời gian học tự chọn: 770 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 1035 giờ ; Thời gian học thực hành: 2265 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ I	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	<i>Các môn học chung</i>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục Quốc phòng- An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10

II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	2530	791	1634	105
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	900	455	404	41
MH 07	Vẽ điện	45	20	23	2
MH 08	Kinh tế học	60	44	13	3
MH 09	Pháp luật chuyên ngành	90	43	43	4
MH 10	Thống kê ứng dụng	90	42	44	4
MH 11	Cơ sở quản lý tài chính	90	40	46	4
MH 12	Kế toán đại cương	60	45	12	3
MH 13	Tin học văn phòng	90	29	57	4
MH 14	Kỹ năng giao tiếp cơ bản	60	22	35	3
MH 15	Kỹ thuật an toàn điện	60	32	25	3
MH 16	Cơ sở kỹ thuật điện	90	46	40	4
MH 17	Thiết bị điện	75	44	28	3
MĐ 18	Cung cấp điện	30	18	11	1
MH 19	Đo lường điện	60	30	27	3
II.2	Các môn học/mô đun chuyên môn nghề	1630	336	1230	64
MĐ 20	Kỹ năng văn phòng cơ bản	45	16	27	2
MĐ 21	Kế toán doanh nghiệp kinh doanh điện	90	46	40	4
MĐ 22	Thực hành kế toán	90	6	80	4
MH 23	Dự báo trong kinh doanh điện năng	45	17	26	2
MĐ 24	Khảo sát thị trường kinh doanh điện	45	18	25	2
MĐ 25	Xử lý yêu cầu cung cấp điện	30	10	18	2
MĐ 26	Ký kết hợp đồng mua bán điện	45	18	25	2
MĐ 27	Quản lý hợp đồng mua bán điện	45	18	25	2
MĐ 28	Quản lý hệ thống đo đếm điện	45	18	25	2
MĐ 29	Quy trình ghi chỉ số công tơ và xử lý các vấn đề liên quan	45	18	25	2
MĐ 30	Lập và quản lý hóa đơn tiền điện	45	18	25	2
MĐ 31	Thu và theo dõi nợ tiền điện	45	18	25	2
MĐ 32	Kiểm tra, xử lý các vi phạm trong sử dụng điện	45	16	27	2
MĐ 33	Áp giá và kiểm soát giá bán điện	45	18	25	2
MĐ 34	Giao tiếp và chăm sóc khách hàng	45	16	27	2
MĐ 35	Lập báo cáo kinh doanh điện năng	60	22	35	3
MĐ 36	Phân tích và tổng hợp tình hình kinh doanh điện năng	60	22	35	3
MĐ 37	Thực tập điện cơ bản	160	16	140	4
MĐ 38	Thực tập tốt nghiệp	600	5	575	20
	Tổng cộng	2530	791	1634	105

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC.

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ.

1. Hướng dẫn xác định thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 39	Bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị hạ thế	90	10	77	3
MĐ 40	Vận hành đường dây và Trạm biến áp	90	10	77	3
MĐ 41	Quản lý vận hành hệ thống phân phối điện	90	10	77	3
MH 42	Quy chế quản lý tài chính ngành điện	45	18	25	2
MĐ 43	Quản lý lưới điện hạ áp	90	21	65	4
MH 44	Quản trị doanh nghiệp	60	25	32	3
MH 45	Hệ thống thông tin quản lý	60	20	37	3
MĐ 46	Lập và duyệt kế hoạch kinh doanh điện năng	45	15	28	2
MĐ 47	Lắp đặt hệ thống đo đếm điện năng	45	15	28	2
MĐ 48	Kiểm tra thực hiện kinh doanh điện năng	30	10	18	2
MĐ 49	Quản lý mua điện đầu nguồn	30	10	18	2
MH 50	Văn hoá doanh nghiệp	45	15	28	2
MĐ 51	Các quy định nội bộ của đơn vị (xử lý hồ sơ giấy tờ, trách nhiệm của các bộ phận, các qui chế, quy trình)	15	4	10	1
MĐ 52	Tin học kế toán	90	26	60	4
MH 53	Tiếng Anh chuyên ngành	90	26	60	4
	Tổng cộng	915	235	640	40

1.2 Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Tỷ lệ thời gian phân bổ cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định là 23,3% trên tổng số thời gian các môn học và mô đun đào tạo nghề (thời gian kiểm tra được phân bổ 2/3 cho thực hành). Như vậy: Tổng số thời gian dành cho các môn học và mô đun tự chọn là 770 giờ. Thời lượng học lý thuyết khoảng 31,4% và thực hành 68,6%. Thời gian học trong mỗi ngày, mỗi ca được xác định theo Điều 4- Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn trong mục V điểm 1.1 chỉ quy định đến tên các môn học và các mô đun đào tạo nghề và phân bổ thời gian học lý thuyết và thực hành cho từng môn, các trường căn cứ vào đặc điểm của từng vùng, miền và quy trình kinh doanh cụ thể để lựa chọn các môn học cho sát với yêu cầu công nghệ của từng công ty điện lực hay các đơn vị kinh doanh tương đương;

- Đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn: Từ danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian ở mục V điểm 1.1 trên, các trường tự lựa chọn các môn học cho phù hợp với hoạt động kinh doanh điện tại các đơn vị sử dụng nhân lực đầu ra và tự xây dựng đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại mục V điểm 1.1 của chương trình này hoặc theo Mục 3, Điều 8 của quy định về chương trình khung trình độ Trung cấp nghề, chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề được ban hành theo Quyết định số: 58/ 2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/ 6/ 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nhưng phải bảo đảm tỷ lệ % giữa lý thuyết và thực hành theo quy định;

- Ngoài các môn học tự chọn đã có ở trên, các trường có tự lựa chọn các môn học khác cho phù hợp với yêu cầu thực tế của từng vùng miền và đơn vị mình;

- Các trường khi xây dựng chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn phải căn cứ vào nhu cầu đào tạo cụ thể của các đơn vị sử dụng lực lượng lao động và các quy trình để xây dựng chương trình cho phù hợp với từng vùng, miền. Chương trình môn học, mô đun tự chọn phải được xây dựng theo mẫu của các chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc tại phụ lục 11 và phụ lục 12 Quyết định số 58/2008/ QĐ- BLĐTBXH ngày 09/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và Xã hội.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề - Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm. Bài thi thực hành Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt mục tiêu giáo dục toàn diện

Để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số công ty điện lực, các điện lực địa phương hoặc các công ty kinh doanh điện tương tự để người học có nhận thức về quy trình kinh doanh điện;

Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo.

4. Các chú ý khác:

- Phần tự chọn trong chương trình này được định hướng tỷ lệ thời gian giữa các môn học và mô đun đào tạo là khoảng 25% thời gian dành cho lý thuyết và 75% dành cho thực hành, nhưng tùy theo từng mô hình Quản lý kinh doanh điện, các trường có thể xác định tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành là: Lý thuyết chiếm từ 15% đến 35%; Thực hành từ 65 đến 85% để cho phù hợp hơn;

- Thời gian của từng môn học và mô đun có thể tăng hoặc giảm, nhưng vẫn phải bảo đảm tỷ lệ giữa phần bắt buộc và phần tự chọn nằm trong khoảng cho phép./.

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục 2 :**Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt”**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27 /2009/TT – BLĐT BXH ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 2A:**Chương trình khung trình độ trung cấp nghề**

Tên nghề: Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt

Mã nghề: 40340104

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương; (Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 34

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

Chương trình khung trung cấp nghề Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt, nhằm đào tạo nguồn nhân lực về kinh doanh vận tải đáp ứng nhu cầu của ngành đường sắt và xã hội. Người tốt nghiệp khóa học có khả năng sau:

- Kiến thức:

+ Nêu được những kiến thức cơ bản về đầu máy, toa xe, cầu đường, thông tin, tín hiệu và những nội dung cơ bản của luật đường sắt, các nghị định liên quan, quy phạm kỹ thuật khai thác đường sắt, quy trình tín hiệu đường sắt, quy trình chạy tàu và công tác đồn trên đường sắt có liên quan đến quản trị kinh doanh vận tải đường sắt;

+ Trình bày được những kiến thức chuyên môn về tổ chức vận tải hàng hoá, hành khách, tổ chức xếp dỡ hàng hóa, quy định vận tải hàng hoá trên đường sắt quốc gia và liên vận quốc tế, kế toán thống kê ga, tàu và thanh toán trong liên vận quốc tế và các công lệnh, chỉ thị, biệt lệ có liên quan đến công tác vận tải hàng hóa, hành khách;

+ Vận dụng được những kiến thức về quản lý kinh tế để lập kế hoạch và tổ chức thực hiện phương án kinh doanh vận tải, tổ chức các dịch vụ liên quan đến vận tải đường sắt một cách có hiệu quả;

+ Hiểu và vận dụng được kiến thức về kỹ thuật xếp dỡ vào việc tính toán, lựa chọn các phương án xếp và gia cố hàng hoá trên toa xe, hướng dẫn việc xếp dỡ hàng hoá trên toa xe đảm bảo an toàn hàng hoá và người trong quá trình vận chuyển, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị máy móc xếp dỡ, phương tiện vận tải và sử dụng hợp lý lao động;

+ Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ, marketing vào trong giao tiếp và ứng xử với hành khách, người thuê vận tải, người nhận hàng và giao tiếp xã hội văn minh lịch sự.

- Kỹ năng:

- + Kiểm soát vé hành khách ở ga, trên tàu;
- + Giao nhận, bảo quản hành lý bao gửi ở trên tàu, dưới ga;
- + Phát thanh, chỉ dẫn, giữ gìn trật tự, vệ sinh phục vụ hành khách trên tàu, dưới ga;
- + Tính toán, lập phương án xếp dỡ, hướng dẫn công tác xếp dỡ hàng hoá đảm bảo an toàn;
- + Lập được hoá đơn gửi hàng, vận đơn liên vận quốc tế;
- + Bán được vé hành khách đảm bảo tiêu chuẩn quy định;
- + Thống kê, lập các sổ sách và lập các báo cáo về vận chuyển hàng hoá, hành khách;
- + Giải quyết các trường hợp liên quan đến vi phạm quy định vận chuyển hàng hoá, hành khách;
- + Lập kế hoạch giai đoạn, kế hoạch ban, kế hoạch ngày và kế hoạch sản xuất kinh doanh ở ga với nhiệm vụ trưởng nhóm hàng hoá, trưởng nhóm hành khách, trưởng đại lý vận tải đường sắt;
- + Quản lý và tổ chức được các hoạt động kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt;
- + Quản lý được nhân lực trong ban sản xuất với nhiệm vụ là trưởng nhóm hàng hoá, trưởng nhóm hành khách, trưởng đại lý vận tải đường sắt;
- + Phát hiện và giải quyết được tình huống nghề nghiệp thông thường trong phạm vi nhiệm vụ chức trách của chức danh đảm nhiệm.

2. *Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:*

- Chính trị, đạo đức:

- + Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng ngành đường sắt và phát triển đất nước, ý thức được trách nhiệm của bản thân về lao động, tác phong, luôn vươn lên và tự hoàn thiện;
- + Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp.

- Thể chất và quốc phòng:

- + Rèn luyện học sinh đạt tiêu chuẩn về rèn luyện thân thể theo lứa tuổi và đạt sức khoẻ theo tiêu chuẩn của nghề nghiệp quy định;
- + Giáo dục học sinh có kiến thức cơ bản về quốc phòng toàn dân theo quy định chung của Bộ Lao động thương binh và Xã hội ở trình độ Trung cấp nghề.

3. *Cơ hội làm việc:*

Người tốt nghiệp khóa đào tạo trung cấp nghề Quản trị kinh doanh vận tải Đường sắt có khả năng làm việc trong các tổ chức điều hành giao thông vận tải đường sắt hoặc doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt với các vị trí như: kiểm soát vé, trật tự vệ sinh viên, phát thanh, phục vụ hành khách trên tàu, dưới ga, giao nhận bảo quản hành lý bao gửi, nhân viên bán vé; đôn đốc xếp dỡ, giao nhận bảo quản hàng hoá, quản lý kho bãi, hạch toán hàng hoá; trưởng nhóm

hàng hoá, trưởng nhóm hành khách; nhân viên marketing các đại lý vận tải đường sắt hoặc kho vận và có khả năng học tiếp ở trình độ cao hơn.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu.:

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2830 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 210giờ (Trong đó thi tốt nghiệp 90giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2620 giờ
 - + Thời gian học bắt buộc: 2340 giờ; Thời gian học tự chọn: 490 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 669 giờ; Thời gian học thực hành: 1951 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bố thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	4
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	2130	551	1406	173
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	180	145	23	12
MH 07	An toàn lao động	30	26	2	2
MH 08	Đường sắt thường thức	45	35	7	3
MH 09	Pháp luật về đường sắt	60	50	6	4
MH 10	Tổ chức chạy tàu	45	34	8	3

II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1950	406	1383	161
MH 11	Tổ chức vận tải hàng hoá, hành khách	90	70	15	5
MH 12	Quy định vận tải hàng hoá trên đường sắt	60	37	19	4
MH 13	Quy định vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường sắt	45	24	18	3
MH 14	Marketing vận tải đường sắt	45	30	12	3
MH 15	Kế toán, thống kê ga tàu	45	30	12	3
MH 16	Tin học ứng dụng trong quản trị kinh doanh vận tải đường sắt	60	20	36	4
MH 17	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	45	33	9	3
MH 18	Giao tiếp trong kinh doanh	45	27	15	3
MH 19	An toàn giao thông vận tải đường sắt	30	17	9	4
MĐ 20	Nghiệp vụ kiểm soát vé, trật tự sân ga phòng đợi	80	8	64	8
MĐ 21	Nghiệp vụ giao nhận hành lý, bao gửi	60	5	47	8
MĐ 22	Nghiệp vụ kiểm tra thương vụ hàng hoá	60	5	47	8
MĐ 23	Nghiệp vụ kho bãi, giao nhận và bảo quản hàng hóa	115	15	84	16
MĐ 24	Nghiệp vụ bán vé	210	26	160	24
MĐ 25	Nghiệp vụ hạch toán hàng hoá	235	19	200	16
MĐ 26	Nghiệp vụ trưởng nhóm hành khách	100	9	83	8
MĐ 27	Nghiệp vụ trưởng nhóm hàng hoá	100	9	83	8
MĐ 28	Thực tập khách vận	235	8	211	16
MĐ 29	Thực tập hoá vận	275	8	251	16
	Tổng cộng	2340	658	1493	189

IV. CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:
(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo (giờ)		
		Tổng số	Trong đó	
			Lý thuyết	Thực hành

MH 26	Kinh tế vĩ mô	60	15	42	3
MH 27	Luật lao động	60	15	42	3
MH 28	Kinh doanh quốc tế	45	20	23	2
MH 29	Nguyên lý thống kê	60	20	36	4
MH 30	Tin học văn phòng	70	15	50	5
MH 31	Quản trị nhân lực	60	20	38	2
MH 32	Lý thuyết quản trị kinh doanh	60	20	36	4
MH 33	Quản trị nhà hàng	60	40	17	3
MH 34	Quản trị khách sạn	60	40	17	3
MH 35	Quản trị thương hiệu	60	40	17	3
MH 36	Quản trị công nghệ	60	40	17	3
MH 37	Quan hệ công chúng	45	25	18	2
MH 38	Thương mại điện tử	60	40	17	3
MH 39	Tâm lý quản trị	45	25	18	2
MH 40	Marketing thương mại	45	25	18	2
MH 41	Đàm phán kinh doanh	60	40	17	3
MH 42	An toàn vệ sinh lao động	60	40	17	3
MH 43	Quản trị rủi ro	60	40	17	3

- Các môn tự chọn được gợi ý đưa vào chương trình khung là 18 môn;
- Ví dụ: có thể chọn 7 môn học trong số 18 các môn học tự chọn đã gợi ý trên; Với tổng thời gian đào tạo: 420 giờ (Lý thuyết: 125 giờ; Thực hành: 295 giờ) như bảng sau:

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Kinh tế vĩ mô	60	15	42	3
MH 27	Luật lao động	60	15	42	3
MH 28	Kinh doanh quốc tế	45	20	23	2
MH 29	Nguyên lý thống kê	60	20	36	4
MH 30	Tin học văn phòng	70	15	50	5
MH 31	Lý thuyết quản trị kinh doanh	60	20	38	2
MH 32	Quản trị nhân lực	60	20	36	4
	Tổng cộng	420	125	272	23

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng môi trường lao động cụ thể ;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Trường/Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Trường/ Cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như:
 - + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của địa phương hoặc của từng môi trường lao động cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỉ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường/Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học, mô đun đề nghị trong chương trình khung này, trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề;

- Nếu Trường/Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cho Trường/Cơ sở của mình;

- Về thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn, các Trường/ Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học, mô đun;

- Về thời lượng chi tiết của từng bài học trong các môn học, mô đun tự chọn, các Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Văn hóa THPT đối với hệ tuyển sinh THCS	Viết, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
3	Kiến thức kỹ năng nghề: - Thi lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thi thực hành nghề	Thao tác thực hành thực tế	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung các hoạt động ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Mỗi khoá đào tạo có 40 giờ tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khoá. Nội dung và thời gian thực hiện theo kế hoạch chung của trường;

- Hàng tuần học sinh có nghĩa vụ thực hiện từ 15 phút đến 30 phút tập trung chào cờ và sinh hoạt đầu tuần vào sáng thứ hai;

- Các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, giáo dục chính trị, văn hoá, xã hội thực hiện theo kế hoạch giáo dục chính trị ngoại khoá hàng năm;

- Học sinh có thể tự nguyện đăng ký tham gia các lớp tin học, ngoại ngữ, sinh hoạt Câu lạc bộ Học sinh- Sinh viên ngoài giờ học chính khoá do nhà trường tổ chức./.

Phụ lục 2B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt

Mã nghề: 50340104

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 43

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

Chương trình đào tạo cao đẳng nghề Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt nhằm đào tạo nguồn nhân lực về kinh doanh ngành vận tải đường sắt đáp ứng nhu cầu của ngành đường sắt và xã hội. Người tốt nghiệp khóa học có khả năng sau:

- Kiến thức:

+ Nêu được những kiến thức cơ bản về đầu máy, toa xe, cầu đường, thông tin, tín hiệu và những nội dung cơ bản của luật đường sắt, các nghị định liên quan, quy phạm kỹ thuật khai thác đường sắt, quy trình tín hiệu đường sắt, quy trình chạy tàu và công tác đồn trên đường sắt có liên quan đến quản trị kinh doanh vận tải đường sắt;

+ Trình bày được những kiến thức chuyên môn về tổ chức vận tải hàng hoá, hành khách, tổ chức xếp dỡ, quy định vận tải hàng hoá trên đường sắt quốc gia và liên vận quốc tế, kế toán thống kê ga, tàu và thanh toán trong liên vận quốc tế và các công lệnh, chỉ thị, biệt lệ có liên quan đến nghề quản trị kinh doanh vận tải đường sắt;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản như Luật kinh tế, Luật thống kê hay tài chính doanh nghiệp, kế toán doanh nghiệp có liên quan đến quản trị kinh doanh vận tải. Vận dụng kiến thức này để ký kết và thực hiện các hợp đồng vận tải hàng hoá, hành khách và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng vận tải. Đồng thời vận dụng kiến thức này để quản lý, điều hành đơn vị hoạt động đúng Pháp luật và đạt hiệu quả kinh tế;

+ Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế học, định mức lao động, kinh tế vận tải sắt để quản lý doanh nghiệp, xây dựng các định mức và đơn giá cho các hoạt động kinh doanh vận tải và các dịch vụ của ga, trạm công tác trên tàu, đại lý vận tải;

+ Vận dụng được những kiến thức về vận trù học, tâm lý khách hàng và kiến thức về quản lý kinh tế để lập, đánh giá và tổ chức thực hiện phương án kinh doanh vận tải và tổ chức các dịch vụ liên quan đến vận tải đường sắt một cách có hiệu quả. Đồng thời đánh giá được kết quả hoạt động của quá trình sản xuất kinh doanh và tổ chức và quản lý các dịch vụ, đại lý vận tải;

+ Hiểu và vận dụng được kiến thức về kỹ thuật xếp dỡ hàng hoá vào việc tính toán, lựa chọn các phương án xếp và gia cố hàng hoá trên toa xe và hướng dẫn

việc xếp dỡ hàng hoá trên toa xe đảm bảo an toàn hàng hoá và người trong quá trình vận chuyển, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị máy móc xếp dỡ, phương tiện vận tải và sử dụng hợp lý lao động;

+ Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ, marketing vào trong giao tiếp và ứng xử với hành khách, người thuê vận tải, người nhận hàng và giao tiếp xã hội văn minh lịch sự.

- Kỹ năng:

+ Tính toán, lập phương án xếp dỡ, hướng dẫn công tác xếp dỡ hàng hoá;

+ Lập được hoá đơn gửi hàng, vận đơn liên vận quốc tế;

+ Bán được vé hành khách đảm bảo tiêu chuẩn quy định.

+ Thống kê, lập các sổ sách và lập các báo cáo về vận chuyển hàng hoá, hành khách;

+ Giải quyết các trường hợp liên quan đến vi phạm quy định vận chuyển hàng hoá, hành khách;

+ Lập kế hoạch giai đoạn, kế hoạch ban, kế hoạch ngày và kế hoạch sản xuất kinh doanh ở ga, với nhiệm vụ trưởng nhóm hàng hoá, trưởng nhóm hành khách, trưởng ga, trưởng trạm, trưởng đại lý hoặc doanh nghiệp vận tải đường sắt loại nhỏ;

+ Đánh giá được phương án sản xuất kinh doanh;

+ Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến quản lý tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất ở ga, đại lý vận tải, các doanh nghiệp vận tải;

+ Lập được đơn giá vận chuyển hoặc đưa ra được dịch vụ kinh doanh vận tải đường sắt hoặc dịch vụ kho vận;

+ Quản lý và tổ chức được các hoạt động kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt;

+ Lập và triển khai được kế hoạch ban, kế hoạch giai đoạn của ga, trạm, đại lý về tổ chức phục vụ vận chuyển hành khách, hành lý và hàng hoá bằng đường sắt hoặc dịch vụ kho vận khác;

+ Phân tích đánh giá được kết quả sản xuất kinh doanh của dịch vụ, đại lý, của ga, trạm;

+ Quản lý được nhân lực trong ban sản xuất với nhiệm vụ là trưởng nhóm hàng hoá, trưởng nhóm hành khách, điều độ khách hoá vận, trưởng đại lý, trưởng ga, trạm công tác trên tàu;

+ Phát hiện và giải quyết được tình huống nghề nghiệp phức tạp trong phạm vi nhiệm vụ chức trách của chức danh đảm nhiệm.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng ngành Đường sắt và phát triển đất nước, ý thức được trách nhiệm của bản thân về lao động, tác phong, luôn vươn lên và tự hoàn thiện;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Rèn luyện sinh viên đạt tiêu chuẩn về rèn luyện thân thể theo lứa tuổi và đạt sức khoẻ theo tiêu chuẩn của nghề nghiệp quy định;

+ Giáo dục sinh viên có kiến thức cơ bản về quốc phòng toàn dân theo quy định chung của Bộ Lao động thương binh và Xã hội ở trình độ cao đẳng nghề.

3. Cơ hội việc làm:

Người tốt nghiệp khóa đào tạo cao đẳng nghề Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt có khả năng làm việc trong các tổ chức điều hành giao thông vận tải đường sắt hoặc doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt với các vị trí như: trưởng nhóm hàng hoá, trưởng nhóm hành khách, trưởng các nhóm marketing, nhân viên kinh doanh, tiếp thị; phòng kế hoạch xí nghiệp vận tải, ga; có thể làm trưởng ga, trưởng trạm, trưởng các đại lý vận tải đường sắt hoặc kho vận và có khả năng học tiếp ở trình độ cao hơn.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khoá học: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3920 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học/mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 120 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3470 giờ
 - + Thời gian học bắt buộc: 3290 giờ; Thời gian học tự chọn: 630 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 1125 giờ; Thời gian học thực hành: 2339 giờ.

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	2840	936	1681	223
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	330	247	61	22

MH 07	An toàn lao động	30	26	2	2
MH 08	Đường sắt thường thức	45	35	7	3
MH 09	Pháp luật về đường sắt	60	50	6	4
MH 10	Tổ chức chạy tàu	60	46	10	4
MH 11	Toán kinh tế	60	35	21	4
MH 12	Kinh tế học	45	35	7	3
MH 13	Luật Kinh tế	30	20	8	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	2510	689	1620	201
MH 14	Tổ chức vận tải hàng hoá, hành khách	105	85	14	6
MH 15	Quy định vận tải hàng hoá trên đường sắt	60	37	19	4
MH 16	Quy định vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường sắt	45	24	18	3
MH 17	Marketing vận tải đường sắt	45	30	12	3
MH 18	Thống kê doanh nghiệp	45	34	8	3
MH 19	Tài chính, kế toán doanh nghiệp	105	76	22	7
MH 20	Kế toán, thống kê ga tàu	45	30	12	3
MH 21	Tin học ứng dụng trong quản trị kinh doanh vận tải đường sắt	60	20	36	4
MH 22	Quản trị doanh nghiệp vận tải đường sắt	75	57	13	5
MH 23	Giao tiếp trong kinh doanh	45	27	15	3
MH 24	An toàn giao thông vận tải đường sắt	45	24	15	6
MĐ 25	Nghiệp vụ kiểm soát vé, trật tự sân ga phòng đợi	80	8	64	8
MĐ 26	Nghiệp vụ giao nhận hành lý, bao gửi	60	5	47	8
MĐ 27	Nghiệp vụ kiểm tra thương vụ hàng hoá	60	5	47	8
MĐ 28	Nghiệp vụ kho bãi, giao nhận và bảo quản hàng hóa	115	15	84	16
MĐ 29	Nghiệp vụ bán vé	210	26	160	24
MĐ 30	Nghiệp vụ hạch toán hàng hoá	235	19	200	16
MĐ 31	Nghiệp vụ trưởng nhóm hành khách	100	9	83	8
MĐ 32	Nghiệp vụ trưởng nhóm hàng hoá	100	9	83	8
MĐ 33	Thực tập khách vận	235	8	211	16
MĐ 34	Thực tập hoá vận	275	8	251	16
MH 35	Định mức lao động trong vận tải đường sắt	45	35	7	3
MH 36	Kinh tế vận tải đường sắt	120	90	23	7

MĐ 37	Thực tập kinh doanh dịch vụ vận tải đường sắt	200	8	176	16
Tổng cộng		3290	1168	1870	251

IV. CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ.

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Tùy theo nhu cầu của môi trường lao động, căn cứ vào tình hình trang thiết bị cụ thể của từng trường/Cơ sở dạy nghề sẽ xác định được danh mục cụ thể các môn học, mô đun tự chọn.. Có thể tham khảo trong số các môn học, mô đun đào tạo gợi ý sau:

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 38	Vận tải đa phương thức	30	25	3	2
MH 39	Tổ chức xếp dỡ hàng hoá	45	30	12	3
MH 40	Vận tải hàng hoá, hành khách Liên vận quốc tế và thanh toán trong Liên vận quốc tế	75	60	11	4
MH 41	Ngoại ngữ chuyên ngành	90	30	55	5
MĐ 42	Vệ sinh, y tế cộng đồng	20	8	10	2
MĐ 43	Nghiệp vụ phục vụ hành khách trên tàu	95	11	76	8
MĐ 44	Nghiệp vụ phát thanh, chỉ dẫn hành khách	60	5	47	8
MĐ 45	Thực tập phục vụ hành khách trên tàu	200	8	176	16
MĐ 46	Nghiệp vụ trưởng ga	155	9	130	16
MĐ 47	Thực tập trưởng ga	155	8	131	16

Ví dụ: có thể chọn các môn học, mô đun sau đưa vào chương trình đào tạo:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 38	Vận tải đa phương thức	30	25	3	2
MH 39	Tổ chức xếp dỡ hàng hoá	45	30	12	3
MH 40	Vận tải hàng hoá, hành khách Liên vận quốc tế và thanh toán trong Liên vận quốc tế	75	60	11	4
MH 41	Ngoại ngữ chuyên ngành	90	30	55	5
MĐ 42	Vệ sinh, y tế cộng đồng	20	8	10	2
MĐ 43	Nghiệp vụ phục vụ hành khách trên tàu	95	11	76	8
MĐ 44	Nghiệp vụ phát thanh, chỉ dẫn hành khách	60	5	47	8
MĐ 45	Thực tập phục vụ hành khách trên tàu	200	8	176	16
MĐ 46	Nghiệp vụ trưởng ga	155	9	130	16
MĐ 47	Thực tập trưởng ga	155	8	131	16
	Tổng cộng	630	123	450	57

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng môi trường lao động cụ thể.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục V, các Trường/Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Trường/Cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như:

- + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
- + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của địa phương hoặc của từng môi trường lao động cụ thể;
- + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;
- + Đảm bảo tỉ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường/ Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học, mô đun đề nghị trong chương trình khung này, trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề;

- Nếu Trường/Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể. Sau đó tiến hành thẩm định

và ban hành chương trình chi tiết các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn cho Trường/Cơ sở của mình;

- Về thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn, các Trường/Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học, mô đun;

- Về thời lượng chi tiết của từng bài học trong các môn học, mô đun tự chọn, các Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức kỹ năng nghề: - Thi lý thuyết nghề - Thi thực hành nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm Thao tác thực hành thực tế	Không quá 180 phút Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung các hoạt động ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt mục tiêu giáo dục toàn diện.

- Mỗi khoá đào tạo có 40 giờ tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khoá. Nội dung và thời gian thực hiện theo kế hoạch chung của trường.

- Hàng tuần sinh viên có nghĩa vụ thực hiện từ 15 phút đến 30 phút tập trung chào cờ và sinh hoạt đầu tuần vào sáng thứ hai;

- Các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, giáo dục chính trị, văn hoá, xã hội thực hiện theo kế hoạch giáo dục chính trị ngoại khoá hàng năm.

- Sinh viên có thể tự nguyện đăng ký tham gia các lớp tin học, ngoại ngữ, sinh hoạt Câu lạc bộ học sinh- sinh viên ngoài giờ học chính khoá do nhà trường tổ chức./.

Phụ lục 3:**Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ”**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27 /2009/TT - BLĐT BXH ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 3A:**Chương trình khung trình độ trung cấp nghề**

Tên nghề: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

Mã nghề: 40340108

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 32

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp**

- Kiến thức:

- + Trang bị kiến thức về Doanh nghiệp, Quản trị doanh nghiệp, Pháp luật, kinh tế - xã hội trong việc thực hiện nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp;
- + Vận dụng được kiến thức tin học, ngoại ngữ trong công tác quản trị;
- + Xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với loại hình doanh nghiệp;
- + Cập nhật được các chính sách phát triển kinh tế xã hội và các chế độ liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

Học xong chương trình này người học có khả năng:

- + Có khả năng tham gia xây dựng quy trình sản xuất sản phẩm phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp;
- + Có khả năng tham gia xây dựng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật;
- + Có khả năng tham gia thiết lập hệ thống tiêu thụ sản phẩm hiệu quả;

+ Lập kế hoạch chi tiết về sản xuất kinh doanh phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp;

+ Có khả năng tham gia lập báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Thiết lập mối quan hệ giữa doanh nghiệp với các đối tác;

+ Có được kỹ năng giao tiếp và kỹ năng bán hàng.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

+ Có lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;

+ Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc;

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khoẻ để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền;

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Tốt nghiệp trung cấp nghề người học có thể:

+ Làm nhân viên tại các phòng ban, phân xưởng, tổ đội, trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội;

+ Lập các loại kế hoạch hóa về vật tư, sản xuất, lao động, tiền lương ở cấp tổ, đội trong doanh nghiệp;

+ Người học có thể quản lý các hoạt động liên quan ở cấp tổ, đội;

+ Người học có thể trở thành một người làm tốt công tác marketing.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU:

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2.530 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 280 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 2.320 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1.900 giờ ; thời gian học tự chọn: 420 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 700 giờ ; Thời gian học thực hành: 1.620 giờ

3. Thời gian học văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hoá Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả)

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo (giờ)		
		Tổng số	Trong đó	
			Lý thuyết	Thực hành

<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	4
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	25	5
<i>II</i>	<i>Các môn học đào tạo nghề bắt buộc</i>	1.900	575	1.259	66
II.1	Các môn học cơ sở	380	220	137	23
MH 07	Pháp luật kinh tế	30	20	9	1
MH 08	Kinh tế vi mô	45	20	23	2
MH 09	Nguyên lý kế toán	45	20	23	2
MH 10	Marketing	40	25	13	2
MH 11	Soạn thảo văn bản	30	20	8	2
MH 12	Quản trị học	60	40	16	4
MH 13	Tài chính doanh nghiệp	60	35	22	3
MH 14	Phân tích hoạt động kinh doanh	70	40	23	7
II.2	Các môn học chuyên môn nghề	1.520	355	1.122	43
MH 15	Ngoại ngữ chuyên ngành	60	30	27	3
MH 16	Kế toán doanh nghiệp	60	40	16	4
MH 17	Thống kê doanh nghiệp	60	30	26	4
MH 18	Kinh tế thương mại và dịch vụ	60	30	27	3
MH 19	Quản trị doanh nghiệp	90	45	39	6
MH 20	Quản trị sản xuất kinh doanh	120	55	56	9
MH 21	Quản trị lao động tiền lương	90	45	39	6

MH 22	Quản trị tiêu thụ bán hàng	70	30	35	5
MH 23	Quản trị chuỗi cung ứng	60	30	27	3
MĐ 24	Thực hành nghề nghiệp	340	20	320	
MĐ 25	Thực tập tốt nghiệp	510		510	
	Tổng cộng	2.110	680	1.349	81

IV. CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học đào tạo nghề tự chọn.

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, đào tạo nghề tự chọn

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Kinh tế vĩ mô	60	15	42	3
MH 27	Luật lao động	60	15	42	3
MH 28	Kinh doanh quốc tế	45	20	23	2
MH 29	Nguyên lý thống kê	60	20	36	4
MH 30	Tin học văn phòng	70	15	50	5
MH 31	Quản trị nhân lực	60	20	38	2

MH 32	Lý thuyết quản trị kinh doanh	60	20	36	4
MH 33	Quản trị nhà hàng	60	40	17	3
MH 34	Quản trị khách sạn	60	40	17	3
MH 35	Quản trị thương hiệu	60	40	17	3
MH 36	Quản trị công nghệ	60	40	17	3
MH 37	Quan hệ công chúng	45	25	18	2
MH 38	Thương mại điện tử	60	40	17	3
MH 39	Tâm lý quản trị	45	25	18	2
MH 40	Marketing thương mại	45	25	18	2
MH 41	Đàm phán kinh doanh	60	40	17	3
MH 42	An toàn vệ sinh lao động	60	40	17	3
MH 43	Quản trị rủi ro	60	40	17	3
	Tổng cộng	1.030	520	457	53

Ví dụ có thể lựa chọn các môn học và mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Kinh tế vĩ mô	60	15	42	3
MH 27	Luật lao động	60	15	42	3

MH 28	Kinh doanh quốc tế	45	20	23	2
MH 32	Lý thuyết quản trị kinh doanh	60	20	36	4
MH 38	Thương mại điện tử	60	40	17	3
MH 39	Tâm lý quản trị	45	25	18	2
MH 40	Marketing thương mại	45	25	18	2
MH 41	Đàm phán kinh doanh	60	40	17	3
	Tổng cộng	455	190	213	22

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học đào tạo nghề tự chọn.

- Môn học đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng miền của từng địa phương;

- Ngoài các môn học đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục 3, các Trường/cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Trường/Cơ sở của mình;

- Việc xác định các môn học tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

- + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
- + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;
- + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;
- + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Thời gian đào tạo các môn học tự chọn chiếm khoảng 20% đến 30% tổng thời gian học tập các môn học đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ 70% đến 85% và lý thuyết từ 15% đến 30%;

- Về thời gian đào tạo các môn học tự chọn, các Trường/Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học (Có thể bố trí vào năm học thứ nhất hoặc năm học thứ hai tùy tính chất từng môn học);

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Trường/Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng miền;

- Về thời lượng của từng môn học, các Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu;

- Nếu Trường/Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục 3. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Trường/Cơ sở của mình.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp nghề;

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: Theo qui định hiện hành

+ Lý thuyết nghề: Các kiến thức trong tâm về: Quản trị sản xuất, quản trị doanh nghiệp, quản trị lao động tiền lương,

+ Thực hành nghề: Các kỹ năng về: Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch lao động, vật tư.

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo qui định hiện hành;

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Văn hoá THPT đối với hệ tuyển sinh THCS	Viết, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
3	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường/Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo thích hợp;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

4. Các chú ý khác

- Thực hành nghề nghiệp: Thời gian và nội dung theo đề cương chương trình khung;

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo chương trình khung.

+ Các Trường/Cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình khung, xây dựng đề cương báo cáo thực tập./.

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục 3 B:
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề

Tên nghề: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

Mã nghề: 50340108

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

Số lượng môn học đào tạo: 45

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức.

+ Trang bị kiến thức về Doanh nghiệp, Quản trị doanh nghiệp, Pháp luật, kinh tế - xã hội trong việc thực hiện nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp;

+ Vận dụng được kiến thức tin học, ngoại ngữ trong công tác quản trị;

+ Xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với loại hình doanh nghiệp;

+ Cập nhật được các chính sách phát triển kinh tế xã hội và các chế độ liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp;

+ Có khả năng xác định các phương pháp quản trị phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp;

- Kỹ năng.

Học xong chương trình này người học có những khả năng:

+ Xây dựng quy trình sản xuất sản phẩm phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp;

+ Xây dựng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật;

+ Thiết lập hệ thống tiêu thụ sản phẩm hiệu quả;

+ Lập kế hoạch về sản xuất kinh doanh phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp;

+ Phân tích được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Lập được báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Cung cấp đầy đủ các thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị và các cơ quan quản lý có liên quan;

+ Tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp những ý kiến cải tiến công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với từng thời kỳ kinh doanh;

+ Thiết lập mối quan hệ giữa doanh nghiệp với các đối tác;

+ Có khả năng hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh, biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới quy mô vừa và nhỏ.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;

+ Tuân thủ các qui định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng

+ Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền;

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Tốt nghiệp cao đẳng nghề người học có thể:

+ Làm việc tại các phòng ban trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội;

+ Làm chuyên viên phụ trách hành chính và nhân sự, chuyên viên bán hàng và quản lý khách hàng, chuyên viên quản lý sản xuất, chuyên viên quản lý cung ứng, chuyên viên kinh doanh và tiếp thị, khởi nghiệp doanh nghiệp vừa và nhỏ.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 4.930 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 400 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 3.480 giờ
 - + Thời gian học bắt buộc: 2.900 giờ; Thời gian học tự chọn: 580 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 1.190 giờ ; Thời gian học thực hành: 2.290 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I.</i>	<i>Các môn học chung</i>	450	220	200	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	75	58	13	4

MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ	120	60	50	10
<i>II.</i>	<i>Các môn học đào tạo nghề bắt buộc</i>	2.900	810	1.976	114
II.I	Các môn học cơ sở	605	315	257	33
MH 07	Pháp luật kinh tế	30	15	13	2
MH 08	Nguyên lý thống kê	45	25	18	2
MH 09	Kinh tế vi mô	60	30	27	3
MH 10	Nguyên lý kế toán	45	25	18	2
MH 11	Marketing căn bản	45	25	18	2
MH 12	Toán kinh tế	60	30	28	2
MH 13	Soạn thảo văn bản	30	15	13	2
MH 14	Quản trị học	60	30	27	3
MH 15	Kinh doanh quốc tế	45	25	18	2
MH 16	Quản trị chất lượng	45	25	18	2
MH 17	Hành vi tổ chức	80	40	35	5
MH 18	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	60	30	24	6
II.2	Các môn học chuyên môn nghề	2.295	495	1.719	81
MH 19	Ngoại ngữ chuyên ngành	90	60	27	3
MH 20	Quản trị Marketing	60	30	27	3
MH 21	Quản trị chuỗi cung ứng	60	30	27	3
MH 22	Thống kê doanh nghiệp	60	20	36	4
MH 23	Tài chính doanh nghiệp	90	40	45	5
MH 24	Tài chính tín dụng	60	20	35	5
MH 25	Tâm lý kinh doanh	45	20	23	2

MH 26	Kinh tế thương mại và dịch vụ	60	20	37	3
MH 27	Quản trị dự án đầu tư	75	30	40	5
MH 28	Hệ thống thông tin quản lý	45	20	23	2
MH 29	Kế toán doanh nghiệp	75	20	45	10
MH 30	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	20	32	8
MH 31	Quản trị văn phòng	45	20	21	4
MH 32	Quản trị nhân lực	90	25	61	4
MH 33	Quản trị kinh doanh và tác nghiệp	90	40	45	5
MH 34	Quản trị doanh nghiệp	120	30	83	7
MH 35	Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	120	30	82	8
MĐ 36	Thực hành nghề nghiệp	410	20	390	
MĐ 37	Thực tập tốt nghiệp	640		640	
	Tổng cộng	3.350	1.039	2.176	135

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học đào tạo tự chọn; thời gian, phân bố thời gian cho môn học đào tạo nghề tự chọn.

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học đào tạo nghề tự chọn

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo (giờ)		
		Tổng số	Trong đó	
			Lý thuyết	Thực hành

MH 38	Toán cao cấp	60	40	18	2
MH 39	Tin học học văn phòng	80	60	15	5
MH 40	Kinh tế vĩ mô	60	40	17	3
MH 41	Thị trường tài chính	80	60	17	3
MH 42	Tài chính quốc tế	60	30	27	3
MH 43	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	60	30	26	4
MH 44	Quản trị tài chính doanh nghiệp	90	60	23	7
MH 45	Tổ chức lao động khoa học	90	60	24	6
MH 46	Quản trị nhà hàng	60	40	17	3
MH 47	Quản trị khách sạn	60	40	17	3
MH 48	Quản trị thương hiệu	60	40	17	3
MH 49	Quản trị công nghệ	60	40	17	3
MH 50	Quan hệ công chúng	45	25	18	2
MH 51	Thương mại điện tử	60	40	17	3
MH 52	Tâm lý quản trị	45	25	18	2
MH 53	Marketing thương mại	45	25	18	2
MH 54	Đàm phán kinh doanh	60	40	17	3
MH 55	An toàn vệ sinh lao động	60	40	17	3
MH 56	Quản trị rủi ro	60	40	17	3

- Các môn tự chọn được gợi ý đưa vào chương trình khung là 19 môn
- Ví dụ: có thể chọn 8 môn học trong số 19 các môn học tự chọn đã gợi ý trên; Với tổng thời gian đào tạo: 580 giờ (Lý thuyết: 380 giờ; Thực hành: 200 giờ)

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 38	Toán cao cấp	60	40	18	2
MH 39	Tin học học văn phòng	80	60	15	5
MH 40	Kinh tế vĩ mô	60	40	17	3
MH 41	Thị trường tài chính	80	60	17	3
MH 42	Tài chính quốc tế	60	30	27	3
MH 43	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	60	30	26	4
MH 44	Quản trị tài chính doanh nghiệp	90	60	23	7
MH 45	Tổ chức lao động khoa học	90	60	24	6
	Tổng cộng	580	380	167	33

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học đào tạo nghề tự chọn.

- Môn học đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng miền của từng địa phương;

- Ngoài các môn học đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục 3, các Trường/cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Trường/Cơ sở của mình;

- Việc xác định các môn học tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:
 - + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
 - + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;
 - + Đảm bảo thời gian đào tạo theo qui định;
 - + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo qui định.
- Thời gian đào tạo các môn học tự chọn chiếm khoảng (20 – 30%) tổng thời gian học tập các môn học đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ (65- 75%) và lý thuyết từ 25 – 35%;
- Về thời gian đào tạo các môn học tự chọn, các Trường/cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học (Có thể bố trí vào năm học thứ nhất hoặc năm học thứ hai tùy tính chất từng môn học);
- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Trường/Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng miền;
- Về thời lượng của từng môn học, các Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu,
- Nếu Trường/Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục 3. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Trường/Cơ sở của mình .

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp.

- Sinh viên phải đạt yêu cầu tất cả các môn học trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Cao đẳng nghề;
- Các môn thi tốt nghiệp:
 - + Chính trị: Theo qui định hiện hành;
 - + Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm về: Chiến lược kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, quản trị nhân lực;
 - + Thực hành nghề: Các kỹ năng về: Lập Kế hoạch lao động tiền lương, sản xuất kinh doanh.
- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo qui định hiện hành.

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ

3. *Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện*

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường/Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo thích hợp;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

4. *Các chú ý khác.*

- Thực hành Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh: Thời gian và nội dung theo đề cương khung chương trình;

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo khung chương trình;

+ Các Trường/Cơ sở dạy nghề căn cứ vào khung chương trình, xây dựng đề cương báo cáo thực tập./.

Phụ lục 4:**Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản trị kinh doanh vận tải biển”**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27 /2009/TT- BLĐT BXH ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 4A :**Chương trình khung trình độ trung cấp nghề**

Tên nghề: Quản trị kinh doanh vận tải biển

Mã nghề: 40340101

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 38

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp**

- Kiến thức:

+ Nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế và kiến thức về khai thác tàu, khai thác cảng, đại lý tàu, giao nhận hàng, kế toán, tài chính và tổ chức quản lý lao động, marketing;

+ Nắm được một số kỹ thuật hành chính về soạn thảo văn bản, sắp xếp hồ sơ công việc trong phần mình phụ trách;

+ Nắm được các nghiệp vụ tổ chức, quản lý kinh doanh khai thác trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vận tải;

+ Nắm được kiến thức về nghiệp vụ thuê tàu, khai thác tàu biển, luật hàng hải, công ước quốc tế, chính sách kinh tế - xã hội;

+ Hiểu biết các chính sách phát triển kinh tế và tình hình thị trường vận tải trong và ngoài nước;

+ Hiểu biết các chứng từ, hợp đồng liên quan đến vận tải, giao nhận hàng.

+ Nắm được công tác phân tích, thống kê kế toán, kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Lập kế hoạch chuyến đi, theo dõi quá trình tàu vận hành, quản lý hoạt động của tàu;

+ Thiết lập mối quan hệ với chủ hàng, người thuê tàu, đại lý, môi giới, cảng biển;

+ Phối kết hợp với các phòng ban chức năng có liên quan;

+ Đánh giá, phân tích được tình hình kinh tế, tài chính của doanh nghiệp

+ Sử dụng được một số chương trình vi tính, mạng thông dụng;

+ Thiết lập mối quan hệ với ngân hàng và các tổ chức tín dụng;

+ Cung cấp các thông tin liên quan cho các phòng ban có liên quan để hỗ trợ và quyết toán hiệu quả của hoạt động;

+ Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc;

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khoẻ để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền;

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc;

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng trực tiếp làm công tác:

- + Khai thác tàu theo các loại hình khai thác tàu chuyên hoặc tàu chợ;
- + Đại lý tàu, môi giới hàng hải;
- + Thủ tục hải quan, làm trọn bộ chứng từ, thu xếp bảo hiểm, giao nhận đường biển, kiểm kiện;
- + Lập kế hoạch, các phương án khai thác cảng, các phương án xếp dỡ, giải phóng tàu, điều độ ở cảng;
- + Tổ chức lao động tiền lương trong doanh nghiệp;
- + Thống kê kế toán, phân tích tình hình kinh tế, tài chính doanh nghiệp;
- + Ở các bộ phận kinh doanh, marketing; của các đơn vị sản xuất kinh doanh, các tổ chức kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2.550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 280 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 40 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2.340 giờ
 - + Thời gian học bắt buộc: 1.860 giờ ; Thời gian học tự chọn: 480 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 702 giờ ; Thời gian học thực hành: 1.638 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	210	107	90	13
MH 01	Chính trị	30	22	6	2

MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	45	29	15	1
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	60	30	26	4
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	1.860	482	1.298	80
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	465	256	175	34
MH07	Kinh tế chính trị	90	60	24	6
MH08	Luật kinh tế	30	14	14	2
MH09	Kinh tế vi mô	45	25	16	4
MH10	Marketing căn bản	30	20	8	2
MH11	Lý thuyết thống kê	45	30	11	4
MH12	Hàng hóa	30	15	13	2
MH13	Quản trị học	45	20	21	4
MH14	Địa lý vận tải	30	15	13	2
MH15	Lý thuyết tài chính	30	17	11	2
MH16	Nguyên lý kế toán	60	25	31	4
MH17	Luật vận tải	30	15	13	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1.395	226	1123	46
MH18	Kinh tế vận tải	60	25	31	4
MH19	Anh văn chuyên ngành 1	120	50	60	10
MH20	Quản trị nhân sự	60	25	31	4
MH21	Quản trị khai thác cảng	60	25	31	4

MH22	Quản trị khai thác đội tàu	60	25	31	4
MH23	Thương vụ vận tải	60	25	31	4
MĐ24	Đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa	45	21	20	4
MH25	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	30	26	4
MH26	Thực tập chuyên môn	310		302	8
MH27	Thực tập tốt nghiệp	560		560	
	Tổng cộng	2.070	589	1.388	93

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng miền của từng địa phương;

- Ngoài các môn học đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục 3, các Trường/cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Trường/cơ sở của mình;

- Việc xác định các môn học tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

- + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
- + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;
- + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;
- + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định;

Thời gian đào tạo các môn học tự chọn chiếm khoảng 20% đến 30%) tổng thời gian học tập các môn học đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ 70% đến 85%) và lý thuyết từ 15% đến 30%.

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Các môn tự chọn được gợi ý đưa vào chương trình khung là 11 môn với tổng thời gian học là 480 giờ, trong đó 220 giờ lý thuyết và 260 giờ thực hành;

- Các Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo trong số các môn học gợi ý ở bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 28	An toàn lao động	30	15	13	2
MH 29	Bảo hiểm hàng hải	30	15	13	2
MH30	Kế toán quản trị	45	25	16	4
MH31	Quản trị Tài chính doanh nghiệp	30	10	18	2
MH 32	Lập và phân tích dự án đầu tư	45	20	21	4
MH 33	Thanh toán quốc tế	45	20	21	4
MH 34	Thị trường chứng khoán	60	25	31	4
MH 35	Quản trị doanh nghiệp	60	30	26	4
MH 36	Quản trị Logistics	60	25	31	4
MH 37	Dự báo trong kinh doanh	45	20	21	4
MH 38	Vận tải đa phương thức	30	15	13	2
	Tổng cộng	480	220	224	36

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Về thời gian đào tạo các môn học tự chọn, các Trường/Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học (Có thể bố trí vào năm học thứ nhất hoặc năm học thứ hai tùy tính chất từng môn học);

- Về thời lượng của từng môn học, các Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu.;

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Trường/Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng miền;

- Nếu Trường/Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục 3. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Trường/Cơ sở của mình.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp nghề;

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: Theo quy định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: Tổ chức khai thác đội tàu, Tổ chức khai thác cảng, Thương vụ;

+ Thực hành nghề: Các kỹ năng về: tổ chức chuyến đi cho tàu chuyên, tàu chợ;

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo qui định hiện hành.

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện).

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường/Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo thích hợp;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

4. Các chú ý khác:

Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động thực hành, thực tập

- Thực tập chuyên môn: Thời gian và nội dung theo đề cương khung chương trình;
- Thực tập tốt nghiệp:
 - + Thời gian và nội dung theo khung chương trình;
 - + Các Trường/Cơ sở dạy nghề căn cứ vào khung chương trình, xây dựng đề cương báo cáo thực tập./.

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục 4B:**Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề**

Tên nghề: Quản trị kinh doanh vận tải biển

Mã nghề: 50340101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 51

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp**

- Kiến thức:

+ Nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế và kiến thức về khai thác tàu, khai thác cảng, đại lý tàu, giao nhận hàng, kế toán, tài chính và tổ chức quản lý lao động, marketing;

+ Nắm được một số kỹ thuật hành chính về soạn thảo văn bản, sắp xếp hồ sơ công việc trong phần mình phụ trách;

+ Nắm được các nghiệp vụ tổ chức, quản lý kinh doanh khai thác trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vận tải;

+ Nắm được kiến thức về nghiệp vụ thuê tàu, khai thác tàu biển, luật hàng hải, công ước quốc tế, chính sách kinh tế - xã hội;

+ Hiểu biết các chính sách phát triển kinh tế và tình hình thị trường vận tải trong và ngoài nước;

+ Hiểu biết các chứng từ, hợp đồng liên quan đến vận tải, giao nhận hàng;

+ Nắm được công tác thống kê, kế toán tài chính, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Lập kế hoạch chuyến đi, kế hoạch điều động tàu, theo dõi quá trình tàu vận hành;

+ Quản lý hoạt động của tàu, đặc biệt là đội tàu biển;

+ Quản lý hoạt động của cảng sông, cảng biển đặc biệt là cảng biển được tiến hành trong mối quan hệ phức tạp và nhiều mặt với quốc tế;

+ Quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ hàng hải;

+ Thiết lập mối quan hệ với chủ hàng, người thuê tàu, đại lý, môi giới, cảng biển;

+ Phối kết hợp với các phòng ban chức năng có liên quan;

+ Đánh giá, phân tích được tình hình kinh tế, tài chính của doanh nghiệp;

+ Sử dụng một số chương trình vi tính, mạng thông dụng;

+ Thiết lập mối quan hệ với ngân hàng và các tổ chức tín dụng;

+ Cung cấp các thông tin liên quan cho các phòng ban có liên quan để hỗ trợ và quyết toán hiệu quả của hoạt động;

+ Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;

+ Vận dụng những kiến thức được đào tạo vào thực tế công tác và tự học tập, rèn luyện, tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở vị trí công tác của mình.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khoẻ để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền;

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng trực tiếp làm công tác:

- + Khai thác tàu theo các loại hình khai thác tàu chuyển hoặc tàu chợ;
- + Đại lý tàu, môi giới hàng hải;
- + Thủ tục hải quan, làm trọn bộ chứng từ, thu xếp bảo hiểm, giao nhận đường biển, kiểm kiện;
- + Lập kế hoạch, các phương án khai thác cảng, các phương án xếp dỡ, giải phóng tàu, điều độ ở cảng;
- + Tổ chức lao động tiền lương trong doanh nghiệp;
- + Thống kê kế toán, phân tích tình hình kinh tế, tài chính doanh nghiệp;
- + Quản trị ở các bộ phận kinh doanh, marketing của các đơn vị sản xuất kinh doanh, các tổ chức kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian khóa học: 3 năm .
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3.750 giờ
- Thời gian ôn kiểm tra hết môn học/mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp 40 giờ).

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3.300 giờ
 - + Thời gian học bắt buộc: 2.610 giờ; Thời gian học tự chọn: 690 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 1.115 giờ ; Thời gian học thực hành: 2.185 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN.

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	216	210	24

MH01	Chính trị	90	60	24	6
MH02	Pháp luật	30	21	7	2
MH03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	75	59	13	3
MH05	Tin học	75	17	54	4
MH06	Ngoại ngữ	120	55	60	5
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i>	2.610	788	1.700	122
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	690	397	243	50
MH07	Kinh tế chính trị	90	60	24	6
MH08	Luật kinh tế	30	14	14	2
MH09	Toán kinh tế	60	40	16	4
MH10	Văn bản và lưu trữ	30	15	13	2
MH11	Kinh tế vi mô	60	40	16	4
MH12	Marketing căn bản	30	20	8	2
MH13	Lý thuyết thống kê	45	30	11	4
MH14	Hàng hóa	30	15	13	2
MĐ15	Tin học ứng dụng	60	30	26	4
MH16	Quản trị học	45	20	21	4
MH17	Địa lý vận tải	30	15	13	2
MH18	Lý thuyết Tài chính	45	28	13	4
MH19	Nguyên lý kế toán	60	25	31	4
MH20	Kinh tế vĩ mô	45	30	11	4
MH21	Luật vận tải	30	15	13	2
II.2	Các môn học, mô đun	1920	391	1457	72

	chuyên môn nghề				
MH22	Kinh tế vận tải	60	25	31	4
MH23	Anh văn chuyên ngành 1	120	50	60	10
MH24	Kinh tế quốc tế	45	25	16	4
MH25	Quản trị dự án đầu tư	45	30	13	2
MH26	Quản trị Marketing	45	20	21	4
MH27	Quản trị nhân sự	60	25	31	4
MH28	Quản trị khai thác cảng	75	30	39	6
MH29	Anh văn chuyên ngành 2	120	60	50	10
MH30	Quản trị khai thác đội tàu	75	35	34	6
MH31	Thương vụ vận tải	60	25	31	4
MĐ32	Đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa	45	21	20	4
MH33	Thống kê vận tải	30	15	13	2
MH34	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	30	26	4
MH35	Thực tập chuyên môn	440	0	432	8
MH36	Thực tập tốt nghiệp	640	0	640	0
	Tổng cộng	3.060	1.004	1.910	146

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bố thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn.

- Môn học đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng miền của từng địa phương;

- Ngoài các môn học đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục 3, các Trường/Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Trường/Cơ sở của mình;

- Việc xác định các môn học tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

- + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
- + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;
- + Đảm bảo thời gian đào tạo theo qui định;
- + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo qui định.

Thời gian đào tạo các môn học tự chọn chiếm khoảng 20% đến 30% tổng thời gian học tập các môn học đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ 65% đến 75% và lý thuyết từ 25% đến 35%.

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Các môn tự chọn được gợi ý đưa vào chương trình khung là 15 môn với tổng thời gian học là 690 giờ, trong đó 327 giờ lý thuyết và 363 giờ thực hành;

- Các Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo trong số các môn học gợi ý ở bảng sau:

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH37	Tâm lý học quản lý	45	21	20	4
MH38	An toàn lao động	30	15	13	2
MH39	Bảo hiểm hàng hải	30	15	13	2
MH40	Kế toán quản trị	45	25	16	4
MH41	Quản trị Tài chính doanh nghiệp	45	26	15	4
MH42	Lập và phân tích dự án đầu tư	45	20	21	4
MH43	Chiến lược thu hút và tuyển dụng nhân lực	45	20	21	4
MH44	Thanh toán quốc tế	45	20	21	4

MH45	Thị trường chứng khoán	60	25	31	4
MH46	Quản trị doanh nghiệp	60	30	26	4
MH47	Quản trị chiến lược	60	30	26	4
MH48	Quản trị thương hiệu	45	20	21	4
MH49	Quản trị Logistics	60	25	31	4
MH50	Dự báo trong kinh doanh	45	20	21	4
MH51	Vận tải đa phương thức	30	15	13	2
	Tổng cộng	690	327	309	54

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Về thời gian đào tạo các môn học tự chọn, các Trường/Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học (Có thể bố trí vào năm học thứ nhất, năm học thứ hai hoặc năm học thứ ba tùy tính chất từng môn học);

- Về thời lượng của từng môn học, các Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu;

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Trường/Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng miền;

- Nếu Trường/Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong chương trình khung này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục 3. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Trường/Cơ sở của mình.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

- Sinh viên phải đạt yêu cầu tất cả các môn học trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Cao đẳng nghề

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: Theo qui định hiện hành;

+ Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm về: Tổ chức khai thác đội tàu, Tổ chức khai thác cảng, Thương vụ;

+ Thực hành nghề: Các kỹ năng về: lập kế hoạch chuyến đi cho tàu chuyên, tổ chức khai thác tàu chợ; Lập kế hoạch, các phương án khai thác cảng, các phương án xếp dỡ, giải phóng tàu; Các phương thức giao nhận hàng hóa;

Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo qui định hiện hành.

SốTT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện).

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường/Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo thích hợp;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

4. Các chú ý khác:

Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động thực hành, thực tập:

- Thực tập chuyên môn: Thời gian và nội dung theo đề cương chương trình khung;

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo chương trình khung;

+ Các Trường/Cơ sở dạy nghề căn cứ vào chương trình khung, xây dựng đề cương báo cáo thực tập./.